

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tống Văn Tâm

Ông Nguyễn Thanh Cần

-Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2003.

Số căn cước công dân: 074303008302

Địa chỉ thường trú: số A, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: ông Lê Thiện H, sinh năm 2002.

Số căn cước công dân: 038202030507

Địa chỉ thường trú: tổ B, khu phố P, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Lê Thiện H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2023 tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20, ngày 06/7/2023.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu thì vợ chồng khá hạnh phúc. Tuy nhiên, từ khi bà D sinh con đến nay thì giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông H không lo làm ăn, không quan tâm vợ con. Năm 2024, bà D đã nộp đơn xin ly hôn với ông H nhưng do muốn tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi con nên bà D đã rút đơn. Tuy nhiên, ông H không có sự thay đổi, vẫn không có công việc ổn định, không phụ chăm sóc con cái và thường đánh đập bà D. Từ tháng 02/2025 thì bà D đã đưa con về nhà bà D tại phường D, thành phố D, ông H vẫn sinh sống cùng cha mẹ tại phường T, thành phố T, hai vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Lê Thiện H.

Về con chung: bà D và ông H có 01 con chung là Lê Nguyễn Thiên K, sinh ngày 21/12/2023. Cháu K hiện đang ở chung với bà D tại số A, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh). Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông Lê Thiện H cấp dưỡng nuôi con.

Bà D hiện đang làm Công ty F với mức lương hàng tháng khoảng từ 8.000.000đồng đến 11.000.000đồng và có nơi ở ổn định nên có đủ điều kiện để nuôi con. Ông H thì không có việc làm ổn định, không lo làm ăn nên không đảm bảo điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lê Thiện H nhưng ông H không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Lê Thiện H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng

quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Thiện H và yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn ông Lê Thiện H đang cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương). Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Lê Thiện H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D, ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ngày 06/7/2023, bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Lê Thiện H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông H là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Xét thấy, bà D xác định giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông H không lo làm ăn, không quan tâm vợ con. Năm 2024, bà D đã nộp đơn xin ly hôn với ông H nhưng do muốn tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi con nên bà D đã rút đơn. Tuy nhiên, ông H không có sự thay đổi, vẫn không có công việc ổn định, không phụ chăm sóc con cái và thường đánh đập bà D, hai vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông H nhiều lần để tiến hành hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông H đều vắng mặt, điều này chứng tỏ ông H cũng không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà D và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: quá trình chung sống, bà D và ông H có 01 con chung là Lê Nguyễn Thiên K, sinh ngày 21/12/2023. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Xét thấy, cháu K là con gái và còn nhỏ, hiện cũng đang sống cùng với bà D. Bà D có công việc và nơi ở ổn định nên việc để bà D trực tiếp nuôi dưỡng cháu K là phù hợp. Do đó, yêu cầu của bà D là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên là phù hợp.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: bà Nguyễn Thị Thùy D phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D đối với bị đơn ông Lê Thiện H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn với ông Lê Thiện H.

1.2. Về con chung: giao con chung là Lê Nguyễn Thiên K, sinh ngày 21/12/2023 cho bà Nguyễn Thị Thùy D được quyền trực tiếp nuôi.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0002839 ngày 17/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND phường Tân Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Trung